TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2019/HNGĐ-ST
Ngày:22-4-2019
V/v: Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Trưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Lệ Tuyết

Ông Hà Vũ Bằng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Bích H, sinh năm 1962; cư trú tại ấp C, xã HT, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn A sinh năm 1956; cư trú tại ấp C, xã HT, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án Bà Phạm Thị Bích H là nguyên đơn trình bày:*Bà với ông Lê Văn A tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1979 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân vợ chồng ra riêng sống tự lập tại ấp B, xã H, thị xã DH . Vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông A không chăm lo làm ăn mà thường xuyên đi uống rượu về nhà cự cãi, dẫn đến vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông A, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc, bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lê Văn A.

Về con chung: Có 05 con chung tên là Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1980; Lê Văn P, sinh năm 1982; Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1986; Lê Thanh H, sinh năm

1989 và Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 15 tháng 3 năm 2019 bị đơn ông Lê Văn A trình bày:*Ông với bà H tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1979, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới ông bà ra riêng sống tự lập và sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi lần ông uống rượu về vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến cuộc sống bất đồng sinh hoạt hàng ngày. Nay ông xét thấy không còn tình cảm với bà H, mâu thuẫn trầm trọng nếu tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc nay ông đồng ý ly hôn bà Phạm Thị Bích H.

- Về con chung: Có 05 con chung tên là Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1980; Lê Văn P, sinh năm 1982; Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1986; Lê Thanh H, sinh năm 1989 và Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn Bà Phạm Thị Bích H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bị đơn Lê Văn A. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu của bà Hlà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Lê Văn A có nơi cư trú ấp C, xã HT, thị xã D, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn A vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Văn A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1979 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Tại Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 có quy định: " *Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết* " và "*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của*

Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”. Như vậy hôn nhân giữa bà H và ông A là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống bà H và ông A đều thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cự cãi và ông bà đã ly thân thời gian dài 08 năm nay không còn sống chung nhà. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa bà H và ông A đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu ly hôn ông A là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Văn A có 05 người con chung hiện các con đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Văn A không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] về nợ chung: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Văn A khai không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Phạm Thị Bích H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân:Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Phạm Thị Bích H. Cho Bà Phạm Thị Bích H ly hôn ông Lê Văn A.

2. Về tài sản chung: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

3.Về con chung:Có 05 con chung tên là Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1980; Lê Văn P, sinh năm 1982; Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1986; Lê Thanh H, sinh năm 1989 và Lê Thị Mỹ P, sinh năm 1998. Hiện các con đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phạm Thị Bích H và ông Lê Văn A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

5.Về án phí: Buộc Bà Phạm Thị Bích H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019582 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, bà H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn Bà Phạm Thị Bích H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Lê Văn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Trưng